

Số: **500**/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày **21** tháng **5** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá công tác cải cách hành chính nhà nước đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2948/QĐ-BNV ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về phê duyệt Đề án "Xác định chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương";

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Văn bản số 532/SNV-CCHC ngày 28/3/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí đánh giá công tác cải cách hành chính nhà nước đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị), gồm:

1. Bộ tiêu chí áp dụng cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (Phụ lục I).
2. Bộ tiêu chí áp dụng cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (Phụ lục II).

Điều 2. Kết quả đánh giá công tác cải cách hành chính hằng năm là cơ sở để bình xét thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị. Đối với các cơ quan, đơn vị xếp loại Trung bình trở xuống hoặc bị hạ hai bậc xếp hạng so với năm trước liền kề thì tập thể và người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó không được xét thi đua, khen thưởng toàn diện trong năm đánh giá.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức tự đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của ngành, địa phương mình theo Bộ tiêu chí và hướng dẫn của Sở Nội vụ.
2. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả đánh giá công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trước ngày 15/01 hằng năm.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 440/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thuộc tỉnh Kon Tum.

Điều 5. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TH2 *lll*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hòa



Phụ lục I

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh
(Kèm theo Quyết định số ...SOC... /QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh)

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
1	THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH GIAO VÀ QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA UBND TỈNH	25		
1.1	Việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	10		
1.1.1	Tiến độ thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	5		Kết quả theo dõi của Tổ kiểm tra của Chủ tịch UBND tỉnh
	<i>Từ 70% - 100% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ nhiệm vụ đúng tiến độ x 5)/100%]</i>			
	<i>Dưới 70% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ: 0</i>			
1.1.2	Chất lượng thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	5		Kết quả theo dõi của Tổ kiểm tra của Chủ tịch UBND tỉnh
	<i>Từ 70% - 100% nhiệm vụ đạt yêu cầu thì điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ nhiệm vụ đạt yêu cầu x 5)/100%]</i>			
	<i>Dưới 70% nhiệm vụ đạt yêu cầu: 0</i>			
1.2	Thực hiện Quy chế làm việc của UBND tỉnh	15		
1.2.1	Tiến độ thực hiện Chương trình công tác của UBND tỉnh	4		Kết quả theo dõi của Tổ kiểm tra của Chủ tịch UBND tỉnh
	<i>Từ 70% - 100% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ nhiệm vụ đúng tiến độ x 4)/100%]</i>			
	<i>Dưới 70% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ: 0</i>			
1.2.2	Chất lượng thực hiện Chương trình công tác của UBND tỉnh	4		Kết quả theo dõi của Tổ kiểm tra của Chủ tịch UBND tỉnh
	<i>Từ 70% - 100% nhiệm vụ đạt yêu cầu thì điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ nhiệm vụ đạt yêu cầu x 4)/100%]</i>			
	<i>Dưới 70% nhiệm vụ đạt yêu cầu: 0</i>			
1.2.3	Tham dự các phiên họp của UBND tỉnh	2		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Tham dự đầy đủ các phiên họp của UBND tỉnh theo thành phần quy định: 2</i>			

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
	<i>Không tham dự đầy đủ các phiên họp của UBND tỉnh theo thành phần quy định: 0</i>			
1.2.4	Thực hiện thủ tục trình văn bản	2		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Từ 70% - 100% hồ sơ trình đúng quy định thì điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ hồ sơ trình đúng quy định x 2)/100%]</i>			
	<i>Dưới 70% hồ sơ trình đúng quy định: 0</i>			
1.2.5	Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất	3		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Báo cáo đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định: 3</i>			
	<i>Báo cáo chỉ đạt một trong hai yêu cầu trên: 1</i>			
	<i>Báo cáo không đầy đủ và không đúng thời gian quy định: 0</i>			
2	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	14		
2.1	Kế hoạch CCHC hằng năm	5		
2.1.1	Mức độ kịp thời của việc ban hành Kế hoạch CCHC hằng năm	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Ban hành kịp thời (trong tháng 12 năm trước liền kề năm kế hoạch): 1</i>			
	<i>Ban hành không kịp thời (trong tháng 01 năm kế hoạch): 0,5</i>			
	<i>Không ban hành hoặc ban hành sau tháng 01 năm kế hoạch: 0</i>			
2.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ thuộc các nội dung, lĩnh vực CCHC (công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL; cải cách TTHC; cải cách TCBM HCNN; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC; cải cách tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông)	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Xác định đầy đủ: 1</i>			
	<i>Không xác định đầy đủ: 0</i>			
2.1.3	Mức độ cụ thể của các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Tất cả các nhiệm vụ đều được phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và được xác định cụ thể kết quả đầu ra, thời gian hoàn thành: 1</i>			

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
	<i>Không đáp ứng yêu cầu trên: 0</i>			
2.1.4	Bổ trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ CCHC	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Có bổ trí kinh phí: 1</i>			
	<i>Không bổ trí kinh phí: 0</i>			
2.1.4	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC năm	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(tỷ lệ % hoàn thành x 1)/100%]</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>			
2.2	Thực hiện công tác báo cáo CCHC định kỳ	2		
2.2.1	Chất lượng báo cáo (đúng hướng dẫn, đầy đủ số liệu theo yêu cầu)	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Bảo đảm chất lượng: 1</i>			
	<i>Không bảo đảm chất lượng: 0</i>			
2.2.2	Thời gian gửi báo cáo (Báo cáo chính thức đến Sở Nội vụ chậm nhất vào ngày 07 tháng cuối cùng của quý đối với báo cáo quý; ngày 07 tháng 6 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 07 tháng 12 đối với báo cáo năm)	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Tất cả các báo cáo gửi đúng thời gian: 1</i>			
	<i>03 BC gửi đúng thời gian: 0.75</i>			
	<i>02 BC gửi đúng thời gian: 0.5</i>			
	<i>01 BC gửi đúng thời gian: 0.25</i>			
	<i>Không có báo cáo nào gửi đúng thời gian: 0</i>			
2.3	Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm CCHC	2		
2.3.1	Chất lượng báo cáo (đúng hướng dẫn, đầy đủ số liệu theo yêu cầu)	0.5		Hội đồng đánh giá qua báo cáo tự đánh giá của đơn vị
	<i>Bảo đảm chất lượng: 1</i>			
	<i>Không bảo đảm chất lượng: 0</i>			

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
2.3.2	Thời gian gửi Báo cáo (Báo cáo chính thức đến Sở Nội vụ chậm nhất vào ngày 20 tháng 11 hằng năm)	0.5		Hội đồng đánh giá qua báo cáo tự đánh giá của đơn vị
	<i>Đúng thời gian yêu cầu: 1</i>			
	<i>Không đúng thời gian yêu cầu: 0</i>			
2.3.3	Mức độ chính xác của kết quả tự đánh giá, chấm điểm	1		Hội đồng đánh giá qua báo cáo tự đánh giá của đơn vị
	<i>Điểm tự chấm chính xác 100% so với kết quả thẩm định: 1</i>			
	<i>Điểm tự chấm chênh lệch không quá 3% so với kết quả thẩm định: 0.5</i>			
	<i>Điểm tự chấm chênh lệch trên 3% so với kết quả thẩm định: 0</i>			
2.4	Kiểm tra CCHC đối với cơ quan, đơn vị trực thuộc (cơ quan không có cơ quan, đơn vị trực thuộc thì không đánh giá tiêu chí này)	2		
2.4.1	Mức độ hoàn thành Kế hoạch kiểm tra	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(tỷ lệ % hoàn thành x 1)/100%]</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>			
2.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện sau kiểm tra	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Từ 70% - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(Tỷ lệ % số vấn đề đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý x 1)/100%]</i>			
	<i>Dưới 70% số văn bản đã xử lý/kiến nghị xử lý: 0</i>			
2.5	Công tác tuyên truyền CCHC	2.5		
2.5.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Có ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC (hoặc có đề ra nhiệm vụ tuyên truyền CCHC trong Kế hoạch CCHC): 0.5</i>			
	<i>Không ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC (hoặc không đề ra nhiệm vụ tuyên truyền CCHC trong Kế hoạch CCHC): 0</i>			

04

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
2.5.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC: (1) tổ chức hội nghị/hội thảo/tập huấn về CCHC; (2) đăng tải thông tin CCHC trên trang TTĐT của đơn vị; (3) tuyên truyền CCHC trên báo chí/Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; (4) tổ chức thi/tọa đàm/sân khấu hóa hoặc các hình thức khác	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Tuyên truyền CCHC thông qua 04 hình thức trở lên: 1</i>			
	<i>Tuyên truyền CCHC thông qua 03 hình thức: 0.75</i>			
	<i>Tuyên truyền CCHC thông qua 02 hình thức: 0.5</i>			
	<i>Tuyên truyền CCHC thông qua dưới 02 hình thức: 0</i>			
2.5.3	Mức độ hoàn thành Kế hoạch tuyên truyền CCHC (hoặc nhiệm vụ tuyên truyền CCHC trong Kế hoạch CCHC)	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(tỷ lệ % hoàn thành x 1)/100%]</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>			
2.6	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Có từ 1 sáng kiến/giải pháp mới trở lên: 0.5</i>			
	<i>Không có sáng kiến/giải pháp mới: 0</i>			
3	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	8.5		
3.1	Tham mưu xây dựng văn bản QPPL (trong năm không được giao nhiệm vụ thì không đánh giá tiêu chí này)	1.5		
3.1.1	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ tham mưu xây dựng văn bản QPPL được cơ quan có thẩm quyền giao	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Thực hiện từ 80% - 100% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ hoàn thành x 1.00)/100]</i>			
	<i>Thực hiện dưới 80% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ: 0</i>			
3.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng văn bản QPPL	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>100% văn bản QPPL được tham mưu xây dựng đúng quy trình: 0.5</i>			

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
	<i>Dưới 100% văn bản QPPL được tham mưu xây dựng đúng quy trình: 0</i>			
3.2	Theo dõi thi hành pháp luật	2.5		
3.2.1	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Thực hiện từ 80% - 100% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ hoàn thành} \times 1.00)/100]$</i>			
	<i>Thực hiện dưới 80% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ: 0</i>			
3.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0.5</i>			
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc thời gian theo quy định: 0</i>			
3.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>100% số vấn đề phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị được xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền: 1</i>			
	<i>Dưới 100% số vấn đề phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị được xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền: 0</i>			
3.3	Rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL	3		
3.3.1	Ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Có ban hành: 0.5</i>			
	<i>Không ban hành: 0</i>			
3.3.2	Mức độ hoàn thành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Thực hiện từ 80% - 100% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ hoàn thành} \times 1.00)/100]$</i>			
	<i>Thực hiện dưới 80% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ: 0</i>			

4

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
3.3.3	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Từ 70% - 100% số văn bản phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị được xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(tỷ lệ % văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý x 1)/100%]</i>			
	<i>Dưới 70% số văn bản phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị được xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền: 0</i>			
3.3.4	Thực hiện công tác báo cáo hằng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0.5</i>			
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc thời gian theo quy định: 0</i>			
3.4	Kiểm tra, xử lý văn bản QPPL	1.5		
3.4.1	Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong kiểm tra, xử lý văn bản QPPL	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Thực hiện tốt công tác phối hợp: 0.5</i>			
	<i>Chưa thực hiện tốt công tác phối hợp: 0</i>			
3.4.2	Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Từ 70% - 100% số văn bản phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị được xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(tỷ lệ % văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý x 1)/100%]</i>			
	<i>Dưới 70% số văn bản phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị được xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền: 0</i>			
4	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	12.5		
4.1	Rà soát, đánh giá TTHC	1.5		
4.1.1	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ rà soát, đánh giá TTHC được cơ quan có thẩm quyền giao	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
	Thực hiện từ 80% - 100% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ thì điểm đánh giá được tính theo công thức $[(\text{Tỷ lệ hoàn thành} \times 1.00)/100\%]$			
	Thực hiện dưới 80% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ: 0			
4.1.2	Thực hiện quy trình rà soát, đánh giá TTHC	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	Thực hiện đúng quy định: 0.5			
	Không thực hiện đúng quy định: 0			
4.2	Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC (nếu trong năm không phát sinh nhiệm vụ phải tham mưu thì không đánh giá tiêu chí này)	2		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	Tham mưu công bố đầy đủ, kịp thời các TTHC thuộc ngành, lĩnh vực đơn vị quản lý (chậm nhất trước 05 ngày làm việc tính đến ngày văn bản QPPL có quy định TTHC có hiệu lực thi hành): 2			
	Tham mưu công bố không đầy đủ hoặc không kịp thời các TTHC thuộc ngành, lĩnh vực đơn vị quản lý: 0			
4.3	Công khai TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1.5		
4.3.1	Các yêu cầu về nội dung công khai TTHC: (1) Bảng niêm yết công khai TTHC; (2) Danh mục TTHC theo từng lĩnh vực; (3) công khai đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đang có hiệu lực thi hành; (4) công khai đầy đủ các bộ phận tạo thành của từng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đang có hiệu lực thi hành)	1		Kiểm tra thực tế
	Thực hiện đầy đủ 04 yêu cầu: 1			
	Thực hiện dưới 04 yêu cầu: 0			
4.3.2	Mức độ kịp thời của việc công khai TTHC	0.5		Kiểm tra thực tế
	Công khai TTHC kịp thời, không công khai các TTHC đã hết hiệu lực thi hành: 0.5			
	Công khai TTHC không kịp thời hoặc còn công khai các TTHC đã hết hiệu lực thi hành: 0			
4.4	Công khai TTHC trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị	1.5		
4.4.1	Các yêu cầu về nội dung công khai TTHC: (1) Danh mục TTHC theo từng lĩnh vực; (2) công khai đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đang có hiệu lực thi hành; (3) công khai đầy đủ các bộ phận tạo thành của từng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đang có hiệu lực thi hành)	1		Kiểm tra trực tiếp Trang thông tin điện tử

146

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
	Thực hiện đầy đủ 03 yêu cầu: 1			
	Thực hiện dưới 03 yêu cầu: 0			
4.4.2	Mức độ kịp thời của việc công khai TTHC	0.5		Kiểm tra trực tiếp Trang thông tin điện tử
	Công khai TTHC kịp thời, không công khai các TTHC đã hết hiệu lực thi hành: 0.5			
	Công khai TTHC không kịp thời hoặc còn công khai các TTHC đã hết hiệu lực thi hành: 0			
4.5	Thực hiện quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC			
4.5.1	Công khai nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức	0.5		Kiểm tra thực tế
	Thực hiện đúng quy định: 0.5			
	Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định: 0			
4.5.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC theo chỉ đạo của UBND tỉnh (trong năm không có chỉ đạo của UBND tỉnh thì không đánh giá tiêu chí này)	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	100% số PAKN được xử lý: 1			
	Từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý: 0.5			
	Dưới 90% số PAKN được xử lý: 0			
4.6	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (cơ quan không có TTHC trong danh mục tiếp nhận, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thì không đánh giá tiêu chí này)	3		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
4.6.1	Tỷ lệ TTHC có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích tính trên số TTHC trong danh mục đã triển khai	1		
	Từ 50% - 100% số TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ TTHC có phát sinh hồ sơ} \times 1.00)/100\%]$			
	Dưới 50% số TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ: 0			
4.6.2	Tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích trên tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (bao gồm tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích và qua hình thức khác) - lưu ý chỉ tính các TTHC trong danh mục đã triển khai	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên: 1			
	Dưới 10% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ số hồ sơ} \times 1.00)/10\%]$			

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
4.6.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết được trả qua dịch vụ bưu chính công ích trên tổng số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết (bao gồm trả qua dịch vụ bưu chính công ích và trả qua hình thức khác) - lưu ý chỉ tính các TTHC trong danh mục đã triển khai	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Từ 15% số hồ sơ TTHC trả lên: 1</i>			
	<i>Dưới 15% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức $[(\text{Tỷ lệ số hồ sơ} \times 1.00)/15\%]$</i>			
4.7	Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình, kết quả kiểm soát TTHC	1.5		
4.7.1	Số lượng báo cáo (Báo cáo quý I, 6 tháng đầu năm, quý III và báo cáo năm)	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Đầy đủ số lượng các báo cáo: 0.5</i>			
	<i>Không đầy đủ số lượng các báo cáo: 0</i>			
4.7.2	Chất lượng báo cáo (đúng hướng dẫn, đầy đủ số liệu theo yêu cầu)	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Bảo đảm chất lượng: 0.5</i>			
	<i>Không bảo đảm chất lượng: 0</i>			
4.7.3	Thời gian gửi báo cáo	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Tất cả các báo cáo gửi đúng thời gian: 0.5</i>			
	<i>01 BC gửi đúng thời gian: 0.25</i>			
	<i>Không có báo cáo nào gửi đúng thời gian: 0</i>			
5	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	5.5		
5.1	Tham mưu UBND tỉnh kiện toàn cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị	2		
5.1.1	Chất lượng tham mưu	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Tham mưu đầy đủ, đúng quy định: 1</i>			
	<i>Tham mưu không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>			

ae

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
5.1.2	Thời gian tham mưu (có văn bản đề nghị Sở Nội vụ trình UBND tỉnh quyết định kiện toàn cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền)	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	Kịp thời tham mưu theo quy định: 1			
	Không kịp thời tham mưu theo quy định: 0			
5.2	Thực hiện quy định về phân cấp quản lý thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 1			
	Không thực hiện đầy đủ hoặc thực hiện không đúng quy định: 0			
5.3	Kiểm tra tình hình tổ chức, hoạt động, việc thực hiện các nhiệm vụ phân cấp của các đơn vị trực thuộc (cơ quan không có đơn vị trực thuộc thì không đánh giá tiêu chí này)	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	Có thực hiện: 1			
	Không thực hiện: 0			
5.4	Ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế làm việc	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	Đã ban hành và kịp thời sửa đổi, bổ sung/ thay thế theo quy định: 0.5			
	Chưa ban hành chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung/thay thế theo quy định: 0			
5.5	Bổ trí số lượng cấp phó các đơn vị thuộc và trực thuộc theo quy định	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	Thực hiện đúng quy định: 1			
	Không thực hiện đúng quy định: 0			
6	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	6		
6.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2		
6.1.1	Việc bổ trí công chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	Bổ trí công chức theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt: 1			

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
	<i>Không bổ trí công chức theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt: 0</i>			
6.1.2	Việc bổ trí viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt (cơ quan chưa được phê duyệt danh mục vị trí việc làm hoặc cơ quan không có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thì không đánh giá TCTP này)	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Bổ trí viên chức theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt: 1</i>			
	<i>Không bổ trí viên chức theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt: 0</i>			
6.2	Thực hiện quy định về bổ nhiệm lãnh đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc (trong năm không bổ nhiệm trường hợp nào thì không đánh giá tiêu chí này)	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>100% vị trí được bổ nhiệm đúng quy định: 1</i>			
	<i>Dưới 100% vị trí được bổ nhiệm đúng quy định: 0</i>			
6.3	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
6.4	Mức độ hoàn thành Kế hoạch tỉnh giảm biên chế trong năm	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% Kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(Tỷ lệ hoàn thành x 1.00)/100%]</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 80% Kế hoạch: 0</i>			
6.5	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1.5		
6.5.1	Tỷ lệ CBCCVC thuộc phạm vi quản lý của đơn vị tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch của UBND tỉnh	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Từ 80% - 100% CBCCVC tham gia tính trên chỉ tiêu đã đăng ký hoặc được giao tính theo công thức [(Tỷ lệ % tham gia x 1.00)/100%]</i>			
	<i>Dưới 80% CBCCVC tham gia tính trên chỉ tiêu đã đăng ký hoặc được giao: 0</i>			
6.5.2	Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh

44

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0.5</i>			
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc thời gian theo quy định: 0</i>			
7	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	3.5		
7.1	Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	1.5		
7.1.1	Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định (Khoản 9, Điều 3 và Mẫu 01 Thông tư 71/2014/TTLT-BTC-BNV hoặc văn bản sửa đổi, thay thế nếu có)	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Đã ban hành đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Chưa ban hành hoặc đã ban hành nhưng không đúng quy định: 0</i>			
7.1.2	Tiết kiệm kinh phí, chi thu nhập tăng thêm thu nhập cho cán bộ, công chức người lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP hoặc văn bản sửa đổi, thay thế nếu có	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Có kinh phí tiết kiệm, chi thu nhập tăng thêm: 0.5</i>			
	<i>Không có kinh phí tiết kiệm để chi thu nhập tăng thêm: 0</i>			
7.1.3	Báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Báo cáo đầy đủ nội dung và gửi đúng thời hạn quy định: 0.5</i>			
	<i>Báo cáo đầy đủ nội dung và trễ thời hạn quy định: 0.25</i>			
	<i>Báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc không gửi báo cáo: 0</i>			
7.1.4	Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Có thực hiện theo quy định: 0.5</i>			
	<i>Không thực hiện theo quy định: 0</i>			
7.2	Lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách	1.5		
7.2.1	Xây dựng dự toán ngân sách hằng năm	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Xây dựng dự toán ngân sách đúng quy định và gửi đúng thời hạn: 0.5</i>			
	<i>Xây dựng dự toán ngân sách đúng quy định và gửi trễ thời hạn: 0.25</i>			

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
	<i>Xây dựng dự toán ngân sách không đúng quy định: 0</i>			
7.2.2	Báo cáo quyết toán ngân sách năm	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Báo cáo quyết toán ngân sách đúng quy định và gửi đúng thời hạn: 0.5</i>			
	<i>Báo cáo quyết toán ngân sách đúng quy định và gửi trễ thời hạn: 0.25</i>			
	<i>Báo cáo quyết toán ngân sách không đúng quy định: 0</i>			
7.2.3	Thực hiện công khai tài chính, tự kiểm tra quyết toán đối với quyết toán ngân sách năm trước và công khai dự toán ngân sách năm đánh giá	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Thực hiện công khai đúng quy định và gửi báo cáo thực hiện công khai, biên bản tự kiểm tra đúng thời hạn: 0.5</i>			
	<i>Thực hiện công khai đúng quy định và gửi báo cáo thực hiện công khai, biên bản tự kiểm tra trễ thời hạn: 0.25</i>			
	<i>Thực hiện công khai không đúng quy định hoặc không công khai: 0</i>			
8	HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH	12		
8.1	Mức độ hoàn thành Kế hoạch ứng dụng CNTT năm	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(Tỷ lệ hoàn thành x 1.00)/100%]</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch hoặc không ban hành kế hoạch: 0</i>			
8.2	Kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT trong năm	5		Kết quả đánh giá theo Quy định của UBND tỉnh về đánh giá xếp loại mức độ ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh
	<i>Đạt từ 50% - 100% tổng số điểm đánh giá thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(Tỷ lệ đạt được x 5)/100%]</i>			
	<i>Đạt dưới 50% tổng số điểm đánh giá: 0</i>			
8.3	Sử dụng chứng thư số, chữ ký số trao đổi văn bản điện tử (không tính văn bản mật, tối mật, tuyệt mật và văn bản khác theo quy định)	1		

14

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
	<i>Từ 50% - 100% văn bản đã áp dụng thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(Tỷ lệ văn bản đã áp dụng x 1.00)/100%]</i>			
	<i>Dưới 50% văn bản đã áp dụng: 0</i>			
8.4	Thực hiện chế độ báo cáo tình hình ứng dụng CNTT theo quy định	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Báo cáo đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định: 1</i>			
	<i>Báo cáo chỉ đạt một trong hai yêu cầu trên: 0.5</i>			
	<i>Báo cáo không đầy đủ và không đúng thời gian quy định: 0</i>			
8.5	Thực hiện quy định về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan, tổ chức hành chính	4		
8.5.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	1		Kiểm tra thực tế
	<i>Đã công bố theo quy định: 1</i>			
	<i>Chưa công bố theo quy định: 0</i>			
8.5.2	Cập nhật các thay đổi của văn bản QPPL liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	1		Kiểm tra thực tế
	<i>Có thực hiện: 1</i>			
	<i>Không thực hiện: 0</i>			
8.5.3	Thực hiện đánh giá nội bộ và xem xét của Lãnh đạo tối thiểu 1 năm 1 lần	1		Kiểm tra thực tế
	<i>Có thực hiện: 1</i>			
	<i>Không thực hiện: 0</i>			
8.5.4	Thực hiện công bố lại khi có sự điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp phạm vi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng	1		Kiểm tra thực tế
	<i>Có thực hiện: 1</i>			
	<i>Không thực hiện: 0</i>			
9	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	8.5		
9.1	Ban hành Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0.5		Kiểm tra thực tế
	<i>Đã ban hành theo đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Chưa ban hành hoặc đã ban hành nhưng không đúng quy định: 0</i>			
9.2	Tỷ lệ TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	1.5		

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
9.2.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa	1		Kiểm tra thực tế
	100% TTHC được thực hiện theo quy định: 1			
	Dưới 100% TTHC được thực hiện theo quy định: 0			
9.2.2	Tỷ lệ TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông (nếu đơn vị không có TTHC được quy định giải quyết thông qua cơ chế một cửa liên thông thì không đánh giá tiêu chí này)	0.5		Kiểm tra thực tế
	100% TTHC được thực hiện theo quy định: 0.5			
	Dưới 100% TTHC được thực hiện theo quy định: 0			
9.3	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC (nếu trong năm đơn vị không tiếp nhận hồ sơ nào thì không đánh giá tiêu chí này)	3		Kiểm tra thực tế
	Từ 95 % - 100% số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức [Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn x 3]/100%			
	Dưới 95% số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn: 0			
9.4	Thực hiện chi trả phụ cấp cho công chức, người lao động làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0.5		Kiểm tra thực tế
	Thực hiện đúng quy định: 0.5			
	Không thực hiện hoặc thực hiện chưa đúng quy định: 0			
9.5	Trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1		Kiểm tra thực tế
	Đã đầu tư trang thiết bị Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo chuẩn hiện đại (máy lấy số tự động, máy quét mã vạch, màn hình tra cứu thông tin, màn hình đánh giá mức độ hài lòng, phần mềm một cửa ...): 1			
	Đã đầu tư trang thiết bị Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đạt mức tối thiểu trở lên (máy tính, máy in, máy fax, máy photo, bàn ghế, máy quạt, ghế ngồi chờ): 0.5			
	Trang thiết bị Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chưa đạt mức tối thiểu: 0			
9.6	Quản lý việc tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, cơ chế cửa liên thông (nếu trong năm đơn vị không tiếp nhận hồ sơ nào thì không đánh giá tiêu chí này)	1.5		
9.6.1	Tiếp nhận hồ sơ có giao phiếu hẹn cho cá nhân, tổ chức (không tính hồ sơ giải quyết trong ngày, hồ sơ nhận trực tuyến, hồ sơ nhận qua đường bưu điện)	0.5		Kiểm tra thực tế
	Thực hiện đầy đủ theo quy định: 0.5			
	Không thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ theo quy định: 0			
9.6.2	Theo dõi việc tiếp nhận và giải quyết TTHC bằng sổ hoặc bằng phần mềm	0.5		Kiểm tra thực tế
	Thực hiện đầy đủ theo quy định: 0.5			

44

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ theo quy định: 0</i>			
9.6.3	Lập phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	0.5		Kiểm tra thực tế
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 0.5</i>			
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ theo quy định: 0</i>			
9.7	Thực hiện việc xin lỗi cá nhân, tổ chức bằng văn bản khi để xảy ra sai sót trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC (nếu trong năm đơn vị không tiếp nhận hồ sơ nào thì không đánh giá tiêu chí này)	0.5		Kiểm tra thực tế
	<i>Đã thực hiện đầy đủ theo quy định: 0.5</i>			
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ theo quy định: 0</i>			
10	VIỆC CHẤP HÀNH NỘI QUY, QUY CHẾ, KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG HÀNH CHÍNH	4.5		
10.1	Việc chấp hành giờ giấc làm việc của cán bộ, công chức, viên chức	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Từ 80% - 100% CBCCVN các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc chấp hành nghiêm chỉnh giờ giấc làm việc theo quy định thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% thực hiện} \times 1.00)/100\%]$</i>			
	<i>Dưới 80% CBCCVN các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc chấp hành nghiêm chỉnh giờ giấc làm việc theo quy định: 0</i>			
10.2	Thực hiện quy định cấm hút thuốc lá nơi làm việc	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>100% CBCCVN các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% CBCCVN các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định: 0</i>			
10.3	Thực hiện quy định không uống rượu, bia và đồ uống có cồn khác trước, trong giờ hành chính và giờ nghỉ trưa của ngày làm việc	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>100% CBCCVN các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% CBCCVN các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định: 0</i>			
10.4	Thực hiện quy định đeo thẻ khi thực hiện nhiệm vụ	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
	100% CBCCVN các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định: 0.5			
	Dưới 100% CBCCVN các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định: 0			
10.5	Xử lý các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế, kỷ luật, kỷ cương hành chính thuộc phạm vi quản lý	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	100% trường hợp vi phạm được xử lý theo quy định: 1			
	Dưới 100% trường hợp vi phạm được xử lý theo quy định: 0			
10.6	Tình hình cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	Trong năm không có CBCCVN thuộc phạm vi quản lý bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 1			
	Trong năm có CBCCVN thuộc phạm vi quản lý bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0			
	Tổng cộng	100		

Ghi chú:

- Chỉ số CCHC được tính theo công thức: Tổng điểm đạt được/Tổng điểm tối đa x 100% - trong đó:

+ Tổng điểm tối đa là tổng điểm tối đa của các tiêu chí/tiêu chí thành phần được đánh giá (đối với một số đơn vị, tổng điểm tối đa có thể không phải 100 điểm do không tính các tiêu chí/tiêu chí thành phần không được đánh giá)

+ Tổng điểm đạt được là tổng điểm đạt được của từng tiêu chí/tiêu chí thành phần sau khi được Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh thẩm định hoặc kiểm tra thực tế

- Căn cứ kết quả chỉ số xếp loại 5 mức như sau:

1. Loại Xuất sắc: Chỉ số đạt từ 90 đến 100;

2. Loại Tốt: Chỉ số đạt từ 80 đến dưới 90;

3. Loại Khá: Chỉ số đạt từ 65 đến dưới 80;

4. Loại Trung bình: Chỉ số đạt từ 50 đến dưới 65;

5. Loại Yếu: Chỉ số đạt được dưới 50. 

Phụ lục II

Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính của UBND các huyện, thành phố

(Kèm theo Quyết định số ...500... /QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2018 của UBND tỉnh)

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
1	THỰC HIỆN NHIỆM VỤ DO UBND TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH GIAO VÀ QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA UBND TỈNH	25		
1.1	Việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	10		
1.1.1	Tiến độ thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	5		Kết quả theo dõi của Tổ kiểm tra của Chủ tịch UBND tỉnh
	<i>Từ 70% - 100% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ nhiệm vụ đúng tiến độ x 5)/100%]</i>			
	<i>Dưới 70% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ: 0</i>			
1.1.2	Chất lượng thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao	5		Kết quả theo dõi của Tổ kiểm tra của Chủ tịch UBND tỉnh
	<i>Từ 70% - 100% nhiệm vụ đạt yêu cầu thì điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ nhiệm vụ đạt yêu cầu x 5)/100%]</i>			
	<i>Dưới 70% nhiệm vụ đạt yêu cầu: 0</i>			
1.2	Thực hiện Quy chế làm việc của UBND tỉnh	15		
1.2.1	Tiến độ thực hiện Chương trình công tác của UBND tỉnh	4		Kết quả theo dõi của Tổ kiểm tra của Chủ tịch UBND tỉnh
	<i>Từ 70% - 100% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ nhiệm vụ đúng tiến độ x 4)/100%]</i>			
	<i>Dưới 70% nhiệm vụ được thực hiện đúng tiến độ: 0</i>			
1.2.2	Chất lượng thực hiện Chương trình công tác của UBND tỉnh	4		Kết quả theo dõi của Tổ kiểm tra của Chủ tịch UBND tỉnh
	<i>Từ 70% - 100% nhiệm vụ đạt yêu cầu thì điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ nhiệm vụ đạt yêu cầu x 4)/100%]</i>			
	<i>Dưới 70% nhiệm vụ đạt yêu cầu: 0</i>			
1.2.3	Tham dự các phiên họp của UBND tỉnh	2		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Tham dự đầy đủ các phiên họp của UBND tỉnh theo thành phần quy định: 2</i>			
	<i>Không tham dự đầy đủ các phiên họp của UBND tỉnh theo thành phần quy định: 0</i>			

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
1.2.4	Thực hiện thủ tục trình văn bản	2		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	Từ 70% - 100% hồ sơ trình đúng quy định thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ hồ sơ trình đúng quy định} \times 2)/100\%]$			
	Dưới 70% hồ sơ trình đúng quy định: 0			
1.2.5	Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất	3		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	Báo cáo đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định: 3			
	Báo cáo chỉ đạt một trong hai yêu cầu trên: 1			
	Báo cáo không đầy đủ và không đúng thời gian quy định: 0			
2	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH	12.5		
2.1	Kế hoạch CCHC hằng năm	4		
2.1.1	Mức độ kịp thời của việc ban hành Kế hoạch CCHC hằng năm	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	Ban hành kịp thời (trong tháng 12 năm trước liền kề năm kế hoạch): 1			
	Ban hành không kịp thời (trong tháng 01 năm kế hoạch): 0.5			
	Không ban hành hoặc ban hành sau tháng 01 năm kế hoạch: 0			
2.1.2	Xác định đầy đủ các nhiệm vụ thuộc các nội dung, lĩnh vực CCHC (công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL; cải cách TTHC; cải cách TCBM HCNN; xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC; cải cách tài chính công; hiện đại hóa nền hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông)	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	Xác định đầy đủ: 1			
	Không xác định đầy đủ: 0			
2.1.3	Mức độ cụ thể của các nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	Tất cả các nhiệm vụ đều được phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp và được xác định cụ thể kết quả đầu ra, thời gian hoàn thành: 0.5			

lưu

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
	<i>Không đáp ứng yêu cầu trên: 0</i>			
2.1.4	Bổ trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ CCHC	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Có bổ trí kinh phí: 0.5</i>			
	<i>Không bổ trí kinh phí: 0</i>			
2.1.4	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC năm	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(tỷ lệ % hoàn thành x 1)/100%]</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>			
2.2	Thực hiện công tác báo cáo CCHC định kỳ	1.5		
2.2.1	Chất lượng báo cáo (đúng hướng dẫn, đầy đủ số liệu theo yêu cầu)	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Bảo đảm chất lượng: 0.5</i>			
	<i>Không bảo đảm chất lượng: 0</i>			
2.2.2	Thời gian gửi báo cáo (Báo cáo chính thức đến Sở Nội vụ chậm nhất vào ngày 07 tháng cuối cùng của quý đối với báo cáo quý; ngày 07 tháng 6 đối với báo cáo 6 tháng đầu năm và ngày 07 tháng 12 đối với báo cáo năm)	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Tất cả các báo cáo gửi đúng thời gian: 1</i>			
	<i>03 BC gửi đúng thời gian: 0.75</i>			
	<i>02 BC gửi đúng thời gian: 0.5</i>			
	<i>01 BC gửi đúng thời gian: 0.25</i>			
	<i>Không có báo cáo nào gửi đúng thời gian: 0</i>			
2.3	Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm CCHC	2		
2.3.1	Chất lượng báo cáo (đúng hướng dẫn, đầy đủ số liệu theo yêu cầu)	0.5		Hội đồng đánh giá qua báo cáo tự đánh giá của đơn vị
	<i>Bảo đảm chất lượng: 1</i>			
	<i>Không bảo đảm chất lượng: 0</i>			

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
2.3.2	Thời gian gửi Báo cáo (Báo cáo chính thức đến Sở Nội vụ chậm nhất vào ngày 20 tháng 11 hằng năm)	0.5		Hội đồng đánh giá qua báo cáo tự đánh giá của đơn vị
	<i>Đúng thời gian yêu cầu: 1</i>			
	<i>Không đúng thời gian yêu cầu: 0</i>			
2.3.3	Mức độ chính xác của kết quả tự đánh giá, chấm điểm	1		Hội đồng đánh giá qua báo cáo tự đánh giá của đơn vị
	<i>Điểm tự chấm chính xác 100% so với kết quả thẩm định: 1</i>			
	<i>Điểm tự chấm chênh lệch không quá 3% so với kết quả thẩm định: 0.5</i>			
	<i>Điểm tự chấm chênh lệch trên 3% so với kết quả thẩm định: 0</i>			
2.4	Kiểm tra CCHC đối với cơ quan, đơn vị trực thuộc và trực thuộc	2		
2.4.1	Mức độ hoàn thành Kế hoạch kiểm tra	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(tỷ lệ % hoàn thành x 1)/100%]</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>			
2.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện sau kiểm tra	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Từ 70% - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý/kiến nghị xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(Tỷ lệ % số vấn đề đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý x 1)/100%]</i>			
	<i>Dưới 70% số vấn đề đã xử lý/kiến nghị xử lý: 0</i>			
2.5	Công tác tuyên truyền CCHC	2.5		
2.5.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Có ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC (hoặc có đề ra nhiệm vụ tuyên truyền CCHC trong Kế hoạch CCHC): 0.5</i>			
	<i>Không ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC (hoặc không đề ra nhiệm vụ tuyên truyền CCHC trong Kế hoạch CCHC): 0</i>			

140

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
2.5.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC: (1) tổ chức hội nghị/hội thảo/tập huấn về CCHC; (2) đăng tải thông tin CCHC trên trang TTĐT của đơn vị; (3) tuyên truyền CCHC trên báo chí/Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; (4) tổ chức thi/tọa đàm/sân khấu hóa hoặc các hình thức khác	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Tuyên truyền CCHC thông qua 04 hình thức trở lên: 1</i>			
	<i>Tuyên truyền CCHC thông qua 03 hình thức: 0.75</i>			
	<i>Tuyên truyền CCHC thông qua 02 hình thức: 0.5</i>			
	<i>Tuyên truyền CCHC thông qua dưới 02 hình thức: 0</i>			
2.5.3	Mức độ hoàn thành Kế hoạch tuyên truyền CCHC (hoặc nhiệm vụ tuyên truyền CCHC trong Kế hoạch CCHC)	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(tỷ lệ % hoàn thành x 1)/100%]</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0</i>			
2.6	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong CCHC	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Có từ 1 sáng kiến/giải pháp mới trở lên: 0.5</i>			
	<i>Không có sáng kiến/giải pháp mới: 0</i>			
3	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	8.5		
3.1	Tham mưu xây dựng văn bản QPPL (trong năm không được giao nhiệm vụ thì không đánh giá tiêu chí này)	1.5		
3.1.1	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ tham mưu xây dựng văn bản QPPL được cơ quan có thẩm quyền giao	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	<i>Thực hiện từ 80% - 100% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ hoàn thành x 1.00)/100]</i>			
	<i>Thực hiện dưới 80% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ: 0</i>			
3.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng văn bản QPPL	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
	100% văn bản QPPL được tham mưu xây dựng đúng quy trình: 0.5			
	Dưới 100% văn bản QPPL được tham mưu xây dựng đúng quy trình: 0			
3.2	Theo dõi thi hành pháp luật	2.5		
3.2.1	Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	Thực hiện từ 80% - 100% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ hoàn thành} \times 1.00)/100]$			
	Thực hiện dưới 80% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ: 0			
3.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0.5			
	Báo cáo không đúng nội dung hoặc thời gian theo quy định: 0			
3.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	100% số vấn đề phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị được xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền: 1			
	Dưới 100% số vấn đề phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị được xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền: 0			
3.3	Rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL	3		
3.3.1	Ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	Có ban hành: 0.5			
	Không ban hành: 0			
3.3.2	Mức độ hoàn thành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC
	Thực hiện từ 80% - 100% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ hoàn thành} \times 1.00)/100]$			

ch

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
	<i>Thực hiện dưới 80% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ: 0</i>			
3.3.3	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Từ 70% - 100% số văn bản phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị được xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(tỷ lệ % văn bản đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý x 1)/100%]</i>			
	<i>Dưới 70% số văn bản phát hiện thuộc trách nhiệm của đơn vị được xử lý theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền: 0</i>			
3.3.4	Thực hiện công tác báo cáo hằng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL.	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0.5</i>			
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc thời gian theo quy định: 0</i>			
3.4	Kiểm tra, xử lý văn bản QPPL	1.5		
3.4.1	Ban hành Kế hoạch kiểm tra VBQPPL	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Có ban hành: 0.5</i>			
	<i>Không ban hành: 0</i>			
3.4.2	Mức độ hoàn thành Kế hoạch kiểm tra VBQPPL	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% Kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(Tỷ lệ hoàn thành x 0.5)/100%]</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 80% Kế hoạch: 0</i>			
3.4.3	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra	0.5		
	<i>Từ 70% - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: [(Tỷ lệ vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý x 0.5)/100%]</i>			
	<i>Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý: 0</i>			

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
4	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	10.5		
4.1	Rà soát, đánh giá TTHC	1.5		
4.1.1	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ rà soát, đánh giá TTHC được cơ quan có thẩm quyền giao	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Thực hiện từ 80% - 100% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(Tỷ lệ hoàn thành x 1.00)/100%]</i>			
	<i>Thực hiện dưới 80% nhiệm vụ được giao đúng tiến độ: 0</i>			
4.1.2	Thực hiện quy trình rà soát, đánh giá TTHC	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Thực hiện đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Không thực hiện đúng quy định: 0</i>			
4.2	Công khai TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1.5		
4.2.1	Các yêu cầu về nội dung công khai TTHC: (1) Bảng niêm yết công khai TTHC; (2) Danh mục TTHC theo từng lĩnh vực; (3) công khai đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đang có hiệu lực thi hành; (4) công khai đầy đủ các bộ phận tạo thành của từng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đang có hiệu lực thi hành)	1		Kiểm tra thực tế
	<i>Thực hiện đầy đủ 04 yêu cầu: 1</i>			
	<i>Thực hiện dưới 04 yêu cầu: 0</i>			
4.2.2	Mức độ kịp thời của việc công khai TTHC	0.5		Kiểm tra thực tế
	<i>Công khai TTHC kịp thời, không công khai các TTHC đã hết hiệu lực thi hành: 0.5</i>			
	<i>Công khai TTHC không kịp thời hoặc còn công khai các TTHC đã hết hiệu lực thi hành: 0</i>			
4.3	Công khai TTHC trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị	1.5		
4.3.1	Các yêu cầu về nội dung công khai TTHC: (1) Danh mục TTHC theo từng lĩnh vực; (2) công khai đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đang có hiệu lực thi hành; (3) công khai đầy đủ các bộ phận tạo thành của từng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đang có hiệu lực thi hành)	1		Kiểm tra trực tiếp Trang thông tin điện tử
	<i>Thực hiện đầy đủ 03 yêu cầu: 1</i>			
	<i>Thực hiện dưới 03 yêu cầu: 0</i>			

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
4.3.2	Mức độ kịp thời của việc công khai TTHC	0.5		Kiểm tra trực tiếp Trang thông tin điện tử
	<i>Công khai TTHC kịp thời, không công khai các TTHC đã hết hiệu lực thi hành: 0.5</i>			
	<i>Công khai TTHC không kịp thời hoặc còn công khai các TTHC đã hết hiệu lực thi hành: 0</i>			
4.4	Thực hiện quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC			
4.4.1	Công khai nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức	0.5		Kiểm tra thực tế
	<i>Thực hiện đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định: 0</i>			
4.4.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC theo chỉ đạo của UBND tỉnh (trong năm không có chỉ đạo của UBND tỉnh thì không đánh giá tiêu chí này)	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>100% số PAKN được xử lý: 1</i>			
	<i>Từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý: 0.5</i>			
	<i>Dưới 90% số PAKN được xử lý: 0</i>			
4.5	Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích	3		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
4.5.1	Tỷ lệ TTHC có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả giải quyết qua dịch vụ bưu chính công ích tính trên số TTHC trong danh mục đã triển khai	1		
	<i>Từ 50% - 100% số TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ TTHC có phát sinh hồ sơ} \times 1,00)/100\%]$</i>			
	<i>Dưới 50% số TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ: 0</i>			
4.5.2	Tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích trên tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (bao gồm tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích và qua hình thức khác) - lưu ý chỉ tính các TTHC trong danh mục đã triển khai	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Từ 10% số hồ sơ TTHC trở lên: 1</i>			
	<i>Dưới 10% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức $[(\text{Tỷ lệ số hồ sơ} \times 1,00)/10\%]$</i>			

du

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
4.5.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết được trả qua dịch vụ bưu chính công ích trên tổng số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết (bao gồm trả qua dịch vụ bưu chính công ích và trả qua hình thức khác) - lưu ý chỉ tính các TTHC trong danh mục đã triển khai	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Từ 15% số hồ sơ TTHC trở lên: 1</i>			
	<i>Dưới 15% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức $[(\text{Tỷ lệ số hồ sơ} \times 1.00)/15\%]$</i>			
4.6	Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình, kết quả kiểm soát TTHC	1.5		
4.6.1	Số lượng báo cáo (Báo cáo quý I, 6 tháng đầu năm, quý III và báo cáo năm)	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Đầy đủ số lượng các báo cáo: 0.5</i>			
	<i>Không đầy đủ số lượng các báo cáo: 0</i>			
4.6.2	Chất lượng báo cáo (đúng hướng dẫn, đầy đủ số liệu theo yêu cầu)	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Bảo đảm chất lượng: 0.5</i>			
	<i>Không bảo đảm chất lượng: 0</i>			
4.6.3	Thời gian gửi báo cáo	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Tất cả các báo cáo gửi đúng thời gian: 0.5</i>			
	<i>01 BC gửi đúng thời gian: 0.25</i>			
	<i>Không có báo cáo nào gửi đúng thời gian: 0</i>			
5	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	4.5		
5.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn cấp huyện	1.5		
5.1.1	Tuân thủ quy định của Chính phủ, bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Thực hiện không đầy đủ hoặc không đúng quy định: 0</i>			

46

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
5.1.2	Thời gian thực hiện (chậm nhất sau 45 ngày kể từ ngày có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền)	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	Thực hiện kịp thời: 1			
	Không thực hiện kịp thời: 0			
5.2	Thực hiện quy định về phân cấp quản lý thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	Thực hiện đầy đủ, đúng quy định: 0.5			
	Không thực hiện đầy đủ hoặc thực hiện không đúng quy định: 0			
5.3	Kiểm tra tình hình tổ chức, hoạt động, việc thực hiện các nhiệm vụ phân cấp đối với cấp xã	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	Có thực hiện: 1			
	Không thực hiện: 0			
5.4	Ban hành, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế làm việc	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	Đã ban hành và kịp thời sửa đổi, bổ sung/ thay thế theo quy định: 0.5			
	Chưa ban hành chưa kịp thời sửa đổi, bổ sung/thay thế theo quy định: 0			
5.5	Bổ trí số lượng cấp phó các đơn vị thuộc và trực thuộc theo quy định	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	Thực hiện đúng quy định: 1			
	Không thực hiện đúng quy định: 0			
6	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	8		
6.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2		
6.1.1	Việc bổ trí công chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh



TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
	<i>Bổ trí công chức theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt: 1</i>			
	<i>Không bổ trí công chức theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt: 0</i>			
6.1.2	Việc bổ trí viên chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt (cơ quan chưa được phê duyệt danh mục vị trí việc làm thì không đánh giá TCTP này)	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Bổ trí viên chức theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt: 1</i>			
	<i>Không bổ trí viên chức theo đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt: 0</i>			
6.2	Thực hiện quy định về bổ nhiệm lãnh đạo các đơn vị thuộc và trực thuộc (trong năm không bổ nhiệm trường hợp nào thì không đánh giá tiêu chí này)	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>100% vị trí được bổ nhiệm đúng quy định: 1</i>			
	<i>Dưới 100% vị trí được bổ nhiệm đúng quy định: 0</i>			
6.3	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
6.4	Mức độ hoàn thành Kế hoạch tỉnh gián biên chế trong năm	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% Kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(Tỷ lệ hoàn thành x 1.00)/100%]</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 80% Kế hoạch: 0</i>			
6.5	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1.5		
6.5.1	Tỷ lệ CBCCVC thuộc phạm vi quản lý của đơn vị tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch của UBND tỉnh	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Từ 80% - 100% CBCCVC tham gia tính trên chỉ tiêu đã đăng ký hoặc được giao tính theo công thức [(Tỷ lệ % tham gia x 1.00)/100%]</i>			
	<i>Dưới 80% CBCCVC tham gia tính trên chỉ tiêu đã đăng ký hoặc được giao: 0</i>			

44

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
6.5.2	Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 0.5</i>			
	<i>Báo cáo không đúng nội dung hoặc thời gian theo quy định: 0</i>			
6.6	Cán bộ, công chức cấp xã	2		
6.6.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 1</i>			
	<i>Từ 80% đến dưới 100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0.5</i>			
	<i>Dưới 80% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn: 0</i>			
6.6.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 1</i>			
	<i>Từ 80% đến dưới 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0.5</i>			
	<i>Dưới 80% số công chức cấp xã đạt chuẩn: 0</i>			
7	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	6.5		
7.1	Thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	3		
7.1.1	Việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của các đơn vị thuộc, trực thuộc theo quy định (Khoản 9, Điều 3 và Mẫu 01 Thông tư 71/2014/TTLT-BTC-BNV hoặc văn bản sửa đổi, thay thế nếu có)	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>100% đơn vị đã ban hành đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% đơn vị đã ban hành đúng quy định: 0</i>			
7.1.2	Tỷ lệ đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo quy định	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>100% đơn vị đã thực hiện: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% đơn vị đã thực hiện: 0</i>			

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
7.1.3	Việc tiết kiệm kinh phí, chi thu nhập tăng thêm thu nhập cho cán bộ, công chức người lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP hoặc văn bản sửa đổi, thay thế nếu có của các đơn vị thuộc, trực thuộc	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	100% đơn vị có kinh phí tiết kiệm, chi thu nhập tăng thêm: 1			
	Từ 85% - dưới 100% đơn vị có kinh phí tiết kiệm, chi thu nhập tăng thêm: 0.5			
	Dưới 85% đơn vị có kinh phí tiết kiệm, chi thu nhập tăng thêm: 0			
7.1.4	Báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	Báo cáo đầy đủ nội dung và gửi đúng thời hạn quy định: 0.5			
	Báo cáo đầy đủ nội dung và trễ thời hạn quy định: 0.25			
	Báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc không gửi báo cáo: 0			
7.1.5	Đánh giá việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của đơn vị và các đơn vị thuộc, trực thuộc	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	Có thực hiện theo quy định: 0.5			
	Không thực hiện theo quy định: 0			
7.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	2		
7.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	100% đơn vị đã thực hiện: 0.5			
	Dưới 100% đơn vị đã thực hiện: 0			
7.2.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp trực thuộc có tiết kiệm kinh phí, chi thu nhập tăng thêm cho viên chức, người lao động hợp đồng	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	100% đơn vị có kinh phí tiết kiệm, chi thu nhập tăng thêm: 1			
	Từ 85% - dưới 100% đơn vị có kinh phí tiết kiệm, chi thu nhập tăng thêm: 0.5			
	Dưới 85% đơn vị có kinh phí tiết kiệm, chi thu nhập tăng thêm: 0			

14

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
7.2.3	Báo cáo đánh giá hiệu quả của việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc (theo Phụ lục 06 Thông tư 71/2006/TT-BTC và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế nếu có)	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Báo cáo đầy đủ nội dung và gửi đúng thời hạn quy định: 0.5</i>			
	<i>Báo cáo đầy đủ nội dung và trễ thời hạn quy định: 0.25</i>			
	<i>Báo cáo không đầy đủ nội dung hoặc không gửi báo cáo: 0</i>			
7.3	Lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách	1.5		
7.3.1	Xây dựng dự toán ngân sách hằng năm	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Xây dựng dự toán ngân sách đúng quy định và gửi đúng thời hạn: 1</i>			
	<i>Xây dựng dự toán ngân sách đúng quy định và gửi trễ thời hạn: 0.5</i>			
	<i>Xây dựng dự toán ngân sách không đúng quy định: 0</i>			
7.3.2	Báo cáo quyết toán ngân sách năm	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Báo cáo quyết toán ngân sách đúng quy định và gửi đúng thời hạn: 0.5</i>			
	<i>Báo cáo quyết toán ngân sách đúng quy định và gửi trễ thời hạn: 0.25</i>			
	<i>Báo cáo quyết toán ngân sách không đúng quy định: 0</i>			
7.3.3	Thực hiện công khai tài chính, tự kiểm tra quyết toán đối với quyết toán ngân sách năm trước và công khai dự toán ngân sách năm đánh giá	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Thực hiện công khai đúng quy định và gửi báo cáo thực hiện công khai, biên bản tự kiểm tra đúng thời hạn: 0.5</i>			
	<i>Thực hiện công khai đúng quy định và gửi báo cáo thực hiện công khai, biên bản tự kiểm tra trễ thời hạn: 0.25</i>			
	<i>Thực hiện công khai không đúng quy định hoặc không công khai: 0</i>			
8	HIỆN ĐẠI HÓA NỀN HÀNH CHÍNH	11.5		
8.1	Mức độ hoàn thành Kế hoạch ứng dụng CNTT năm	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh



TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
	<i>Hoàn thành từ 80% - 100% kế hoạch thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(Tỷ lệ hoàn thành x 1.00)/100%]</i>			
	<i>Hoàn thành dưới 80% kế hoạch hoặc không ban hành kế hoạch: 0</i>			
8.2	Kết quả đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng CNTT trong năm	5		Kết quả đánh giá theo Quy định của UBND tỉnh về đánh giá xếp loại mức độ ứng dụng CNTT của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh
	<i>Đạt từ 50% - 100% tổng số điểm đánh giá thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(Tỷ lệ đạt được x 5)/100%]</i>			
	<i>Đạt dưới 50% tổng số điểm đánh giá: 0</i>			
8.3	Sử dụng chứng thư số, chữ ký số trao đổi văn bản điện tử (không tính văn bản mật, tối mật, tuyệt mật và văn bản khác theo quy định)	1		
	<i>Từ 50% - 100% văn bản đã áp dụng thì điểm đánh giá được tính theo công thức [(Tỷ lệ văn bản đã áp dụng x 1.00)/100%]</i>			
	<i>Dưới 50% văn bản đã áp dụng: 0</i>			
8.4	Thực hiện chế độ báo cáo tình hình ứng dụng CNTT theo quy định	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Báo cáo đầy đủ nội dung và đúng thời gian quy định: 0.5</i>			
	<i>Báo cáo chỉ đạt một trong hai yêu cầu trên: 0.25</i>			
	<i>Báo cáo không đầy đủ và không đúng thời gian quy định: 0</i>			
8.5	Thực hiện quy định về áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của cơ quan, tổ chức hành chính cấp huyện	4		
8.5.1	Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	0.5		Kiểm tra thực tế
	<i>Đã công bố theo quy định: 1</i>			
	<i>Chưa công bố theo quy định: 0</i>			
8.5.2	Cập nhật các thay đổi của văn bản QPPL liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	1		Kiểm tra thực tế
	<i>Có thực hiện: 1</i>			



TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
	<i>Không thực hiện: 0</i>			
8.5.3	Thực hiện đánh giá nội bộ và xem xét của Lãnh đạo tối thiểu 1 năm 1 lần	1		Kiểm tra thực tế
	<i>Có thực hiện: 1</i>			
	<i>Không thực hiện: 0</i>			
8.5.4	Thực hiện công bố lại khi có sự điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp phạm vi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng	0.5		Kiểm tra thực tế
	<i>Có thực hiện: 1</i>			
	<i>Không thực hiện: 0</i>			
8.6	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã công bố Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008	1		
	<i>Từ 70% số đơn vị trở lên: 1</i>			
	<i>Từ 40% - dưới 70% số đơn vị thì điểm đánh giá được tính theo công thức [Tỷ lệ % số hồ sơ x 1.00]/70%]</i>			
	<i>Dưới 40% số đơn vị: 0</i>			
9	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	8.5		
9.1	Ban hành Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0.5		Kiểm tra thực tế
	<i>Đã ban hành theo đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Chưa ban hành hoặc đã ban hành nhưng không đúng quy định: 0</i>			
9.2	Tỷ lệ TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	1.5		
9.2.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa	1		Kiểm tra thực tế
	<i>100% TTHC được thực hiện theo quy định: 1</i>			
	<i>Dưới 100% TTHC được thực hiện theo quy định: 0</i>			
9.2.2	Tỷ lệ TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông (nếu đơn vị không có TTHC được quy định giải quyết thông qua cơ chế một cửa liên thông thì không đánh giá tiêu chí này)	0.5		Kiểm tra thực tế
	<i>100% TTHC được thực hiện theo quy định: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% TTHC được thực hiện theo quy định: 0</i>			
9.3	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC (nếu trong năm đơn vị không tiếp nhận hồ sơ nào thì không đánh giá tiêu chí này)	3		Kiểm tra thực tế

200

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
	<i>Từ 95 % - 100% số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn thì điểm đánh giá được tính theo công thức [Tỷ lệ % hồ sơ đúng hạn x 3]/100%</i>			
	<i>Dưới 95% số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn: 0</i>			
9.4	Thực hiện chỉ trả phụ cấp cho công chức, người lao động làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	0.5		Kiểm tra thực tế
	<i>Thực hiện đúng quy định: 0.5</i>			
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện chưa đúng quy định: 0</i>			
9.5	Trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1		Kiểm tra thực tế
	<i>Đã đầu tư trang thiết bị Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo chuẩn hiện đại (máy lấy số tự động, máy quét mã vạch, màn hình tra cứu thông tin, màn hình đánh giá mức độ hài lòng, phần mềm một cửa ...): 1</i>			
	<i>Đã đầu tư trang thiết bị Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đạt mức tối thiểu trở lên (máy tính, máy in, máy fax, máy photo, bàn ghế, máy quạt, ghế ngồi chờ): 0.5</i>			
	<i>Trang thiết bị Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chưa đạt mức tối thiểu: 0</i>			
9.6	Quản lý việc tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, cơ chế cửa liên thông (nếu trong năm đơn vị không tiếp nhận hồ sơ nào thì không đánh giá tiêu chí này)	1.5		
9.6.1	Tiếp nhận hồ sơ có giao phiếu hẹn cho cá nhân, tổ chức (không tính hồ sơ giải quyết trong ngày, hồ sơ nhận trực tuyến, hồ sơ nhận qua đường bưu điện)	0.5		Kiểm tra thực tế
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 0.5</i>			
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ theo quy định: 0</i>			
9.6.2	Theo dõi việc tiếp nhận và giải quyết TTHC bằng sổ hoặc bằng phần mềm	0.5		Kiểm tra thực tế
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 0.5</i>			
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ theo quy định: 0</i>			
9.6.3	Lập phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	0.5		Kiểm tra thực tế
	<i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 0.5</i>			
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ theo quy định: 0</i>			
9.7	Thực hiện việc xin lỗi cá nhân, tổ chức bằng văn bản khi để xảy ra sai sót trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC (nếu trong năm đơn vị không tiếp nhận hồ sơ nào thì không đánh giá tiêu chí này)	0.5		Kiểm tra thực tế
	<i>Đã thực hiện đầy đủ theo quy định: 0.5</i>			



TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
	<i>Không thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ theo quy định: 0</i>			
10	VIỆC CHẤP HÀNH NỘI QUY, QUY CHẾ, KỶ LUẬT, KỶ CƯƠNG HÀNH CHÍNH	4.5		
10.1	Việc chấp hành giờ giấc làm việc của cán bộ, công chức, viên chức	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>Từ 80% - 100% CBCCVC các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc chấp hành nghiêm chỉnh giờ giấc làm việc theo quy định thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% thực hiện} \times 1.00)/100\%]$</i>			
	<i>Dưới 80% CBCCVC các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc chấp hành nghiêm chỉnh giờ giấc làm việc theo quy định: 0</i>			
10.2	Thực hiện quy định cấm hút thuốc lá nơi làm việc	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>100% CBCCVC các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% CBCCVC các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định: 0</i>			
10.3	Thực hiện quy định không uống rượu, bia và đồ uống có cồn khác trước, trong giờ hành chính và giờ nghỉ trưa của ngày làm việc	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>100% CBCCVC các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% CBCCVC các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định: 0</i>			
10.4	Thực hiện quy định đeo thẻ khi thực hiện nhiệm vụ	0.5		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	<i>100% CBCCVC các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định: 0.5</i>			
	<i>Dưới 100% CBCCVC các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện nghiêm quy định: 0</i>			
10.5	Xử lý các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế, kỷ luật, kỷ cương hành chính thuộc phạm vi quản lý	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Phương pháp đánh giá
	100% trường hợp vi phạm được xử lý theo quy định: 1			
	Dưới 100% trường hợp vi phạm được xử lý theo quy định: 0			
10.6	Tình hình cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật	1		Tự đánh giá của đơn vị và thẩm định của Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh
	Trong năm không có CBCCVN thuộc phạm vi quản lý bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 1			
	Trong năm có CBCCVN thuộc phạm vi quản lý bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên: 0			
	Tổng cộng	100		

Ghi chú:

- Chỉ số CCHC được tính theo công thức: $\text{Tổng điểm đạt được} / \text{Tổng điểm tối đa} \times 100\%$ - trong đó:

+ Tổng điểm tối đa là tổng điểm tối đa của các tiêu chí/tiêu chí thành phần được đánh giá (đối với một số đơn vị, tổng điểm tối đa có thể không phải 100 điểm do không tính các tiêu chí/tiêu chí thành phần không được đánh giá)

+ Tổng điểm đạt được là tổng điểm đạt được của từng tiêu chí/tiêu chí thành phần sau khi được Hội đồng kiểm tra, đánh giá, chấm điểm CCHC của tỉnh thẩm định hoặc kiểm tra thực tế

- Căn cứ kết quả chỉ số xếp loại 5 mức như sau:

1. Loại Xuất sắc: Chỉ số đạt từ 90 đến 100;

2. Loại Tốt: Chỉ số đạt từ 80 đến dưới 90;

3. Loại Khá: Chỉ số đạt từ 65 đến dưới 80;

4. Loại Trung bình: Chỉ số đạt từ 50 đến dưới 65;

5. Loại Yếu: Chỉ số đạt được dưới 50. 